

NGHIÊN CỨU CHUỖI GIÁ TRỊ BÍ XANH, HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**Nguyễn Hữu Nhuận^{1*}, Hoàng Hữu Thành², Đỗ Huy Hùng¹**¹*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*²*Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam***Tác giả liên hệ: nhnhuan@vnua.edu.vn*

Ngày nhận bài: 05.05.2021

Ngày chấp nhận đăng: 02.06.2021

TÓM TẮT

Sản xuất bí xanh đã đóng góp vào cải thiện sinh kế cho nhiều nông dân ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình nhưng sản xuất còn nhiều hạn chế. Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi giá trị bí xanh, từ đó đề xuất giải pháp phát triển chuỗi giá trị bí xanh trong huyện. Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp kết hợp với nguồn dữ liệu sơ cấp được thu thập từ 120 tác nhân tham gia trong chuỗi giá trị bí xanh bao gồm các hộ sản xuất, người thu gom, người bán buôn, người bán lẻ và cán bộ địa phương năm 2018. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra chuỗi giá trị sản phẩm bí xanh trong huyện vận hành chủ yếu thông qua 3 kênh thị trường chính. Nông hộ là tác nhân tạo ra giá trị gia tăng cao nhất trong chuỗi giá trị, kế đến là tác nhân bán buôn và bán lẻ. Nghiên cứu cũng chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng tới phát triển chuỗi sản xuất bí xanh trên địa bàn huyện bao gồm thị trường, thể chế chính sách, điều kiện tự nhiên, trình độ của các tác nhân trong chuỗi, cơ sở hạ tầng và công nghệ sản xuất và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện chuỗi giá trị bí xanh tại huyện Kỳ Sơn trong thời gian tới.

Từ khóa: Chuỗi giá trị, bí xanh, Kỳ Sơn, Hòa Bình.

A Study on Value Chains of Winter Melon in Ky Son District, Hoa Binh**ABSTRACT**

Winter melon production has contributed to improving livelihoods for many farmers in Ky Son district, Hoa Binh province, but production remain weakness. The study aims to assess the current situation and the factors affecting the value chain of wintermelon to propose solutions to develop the value chain of winter melon in the district. The study used secondary data in combination with secondary data. Primary data was gathered through the survey with 120 actors in value chains of winter melon including farm households, collectors, wholesalers, retailers and local leaders in 2018. The research results have shown that the value chain of winter melon in the district operates mainly through 3 main market channels. Farmers are the agents that create the highest value added in the value chain, followed by wholesale and retail actors. The study also pointed out a number of factors affecting the development of winter melon production value chain in the district, including market, policy institutions, natural conditions, the level of actors in the chain, and infrastructure and technology and proposing solutions to improve the value chain of winter melon in Ky Son district in the coming time.

Keywords: Value chains, winter melon, Ky Son, Hoa Binh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kinh tế phát triển đi liền với yêu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao về chất lượng, mẫu mã, sản phẩm theo mùa vụ và an toàn thực phẩm, đặc biệt các sản phẩm rau xanh (Nguyễn Hữu Nhuận & cs., 2020). Huyện Kỳ Sơn, nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Hòa Bình với điều kiện tự nhiên thuận lợi, đã phát triển thành vùng sản xuất rau hàng hóa với quy mô

lớn, với diện tích toàn huyện đạt 641ha, tập trung chủ yếu vào chủng loại như dưa chuột, bí xanh và mướp đắng. Trong đó, diện tích cây bí xanh năm 2018 ước đạt 195ha, chiếm 30,4% cơ cấu diện tích rau của cả huyện và đạt khoảng 1.100ha năm 2020 (UBND huyện Kỳ Sơn, 2020). Những năm gần đây, nhiều địa phương trong huyện Kỳ Sơn đã mạnh dạn chuyển đổi diện tích canh tác lúa kém hiệu quả sang trồng bí xanh và nhiều nông hộ đã thoát nghèo và

vườn lên làm giàu (Hà Hoàng, 2019). Do vị trí địa lý thuận lợi, sản phẩm rau của huyện đã có thể tiếp cận các thị trường lớn như thành phố Hòa Bình, Hà Nội và Quảng Ninh. Tuy nhiên, sản xuất bí xanh của huyện Kỳ Sơn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và hiệu quả kinh tế chưa cao do nhiều nguyên nhân xuất phát từ cả góc độ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Đã có có nhiều nghiên cứu về chuỗi giá trị cũng như hiệu quả kinh tế của các sản phẩm nông nghiệp như nghiên cứu về chuỗi giá trị chè của tác giả Trần Công Thắng & cs. (2004), chuỗi giá trị lúa gạo của tác giả Võ Thị Thanh Lộc & Nguyễn Ngọc Châu (2009), chuỗi giá trị dứa của tác giả Nguyễn Quốc Nghi (2015), chuỗi giá trị rau an toàn của Lê Đình Hải (2018) và Nguyễn Hữu Nhuận & cs. (2020). Tuy nhiên, có rất ít những nghiên cứu về chuỗi giá trị bí xanh ở huyện vùng cao như Kỳ Sơn. Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu nghiên cứu chuỗi giá trị bí xanh huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Bài báo tập trung vào phân tích đặc điểm và quan hệ giữa các tác nhân, kết quả hoạt động và phân chia tài chính giữa các tác nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chuỗi, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp phát triển chuỗi và nâng cao thu nhập cho hộ nông dân và các tác nhân tham gia chuỗi giá trị bí xanh tại huyện trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập thông tin

Nghiên cứu sử dụng tài liệu thứ cấp bao gồm các chủ trương, chính sách, báo cáo nghiên cứu khoa học và tạp chí chuyên ngành có liên quan về phát triển sản xuất rau và bí xanh trên địa bàn huyện Kỳ Sơn. Số liệu sơ cấp được thu thập năm 2018 thông qua điều tra tác nhân trong chuỗi giá trị bí xanh bao gồm người sản xuất, thu gom, bán buôn và bán lẻ. Do hạn chế về nguồn lực tài chính và thời gian, đề tài trung khảo sát 90 hộ trồng bí xanh và các tác nhân thu gom, bán buôn, bán lẻ trên địa bàn huyện và Hà Nội. Các hộ sản xuất bí xanh được lựa chọn cho khảo sát tại 3 xã có diện tích trồng bí xanh lớn nhất trong huyện. Cơ cấu mẫu được phân bổ theo quy mô sản xuất của các hộ trong các xã nghiên cứu. Tác nhân bán buôn và người bán lẻ được xác định thông qua

khảo sát hộ sản xuất và các tác nhân này phân tán và chủ yếu từ các xã khác trên địa bàn huyện. Ngoài ra, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu các cán bộ khuyến nông, cán bộ quản lý trên địa bàn huyện Kỳ Sơn. Lượng mẫu chi tiết được thể hiện qua bảng 1.

2.2. Phân tích thông tin

Phương pháp nghiên cứu và phân tích chuỗi giá trị của Kaplinsky & Morris (2001) được sử dụng trong nghiên cứu này nhằm sơ đồ hóa chuỗi giá trị, mối liên kết giữa các tác nhân và hiệu quả kinh tế của từng tác nhân. Tiếp cận theo chuỗi đã được sử dụng trong nhiều nghiên cứu để đánh giá vai trò, sự liên kết của các tác nhân tham gia chuỗi (Nguyễn Anh Minh & cs., 2014), chia sẻ lợi nhuận (Lê Đình Hải, 2018) và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chuỗi giá trị nông sản (Đỗ Quang Giám & cs., 2015). Phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh được sử dụng để phân tích các chỉ tiêu thống kê phản ánh hoạt động, kết quả, hiệu quả kinh tế của các tác nhân trong chuỗi, phân tích tài chính trong chuỗi và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chuỗi giá trị bí xanh. Đây là cơ sở quan trọng để đưa ra các định hướng phát triển và đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị bí xanh chất lượng cao của huyện Kỳ Sơn trong thời gian tới.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

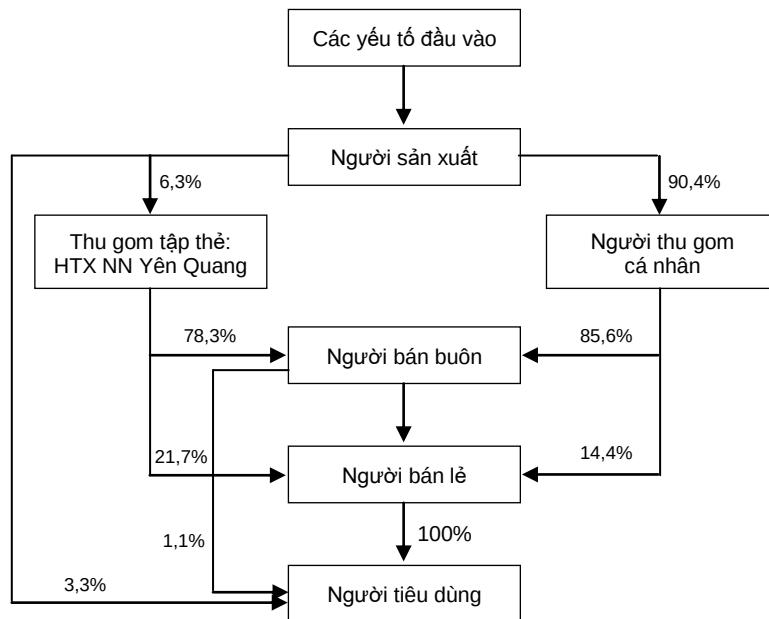
3.1. Thực trạng chuỗi giá trị bí xanh huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình

3.1.1. Sơ đồ chuỗi giá trị bí xanh của huyện Kỳ Sơn

Chuỗi giá trị bí xanh tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình bao gồm 3 kênh tiêu thụ chính: qua thu gom tập thể, thu gom cá nhân và tiêu thụ trực tiếp (Hình 1). Trong đó, trên 90% lượng bí xanh sản xuất ra được tiêu thụ thông qua kênh thu gom cá nhân, tiếp đó là kênh thu gom qua HTX với khả năng tiêu thụ là khoảng 6% tổng sản lượng. Chỉ một phần nhỏ (3%) tổng sản lượng được người tiêu dùng mua trực tiếp tại của người sản xuất. Nhìn chung, sản phẩm bí xanh của huyện Kỳ Sơn chủ yếu được tiêu thụ trực tiếp dưới hình thức quả tươi chưa chế biến.

Bảng 1. Thông tin cơ bản về mẫu điều tra

Loại tác nhân	Tổng số phiếu	Địa điểm điều tra (xã)			
		Độc Lập	Yên Quang	Dân Hạ	Ngoài 3 xã trên địa bàn huyện
Người trồng bí xanh	90	40	30	20	-
Người thu gom	10	5	3	2	-
Người bán buôn	7	2	-	-	5
Người bán lẻ	8	-	-	-	8
Nhà quản lý	2	-	-	-	2
Cán bộ khuyến nông	3	1	1	1	0
Tổng cộng	120	48	34	23	15



Hình 1. Sơ đồ chuỗi giá trị bí xanh huyện Kỳ Sơn

3.1.2. Đặc điểm và kết quả hoạt động của các tác nhân tham gia vào chuỗi giá trị bí xanh

- *Hộ trồng bí xanh*: Kết quả nghiên cứu cho thấy có khoảng 62% số hộ có kinh nghiệm từ 3-5 năm trong sản xuất bí xanh. Trung bình tuổi của chủ hộ là 44 tuổi. Phần lớn số hộ có trình độ văn hóa cấp 2. Diện tích trồng bí xanh bình quân hàng năm của hộ là 5 sào, trên tổng số 7,6 sào diện tích trồng cây hàng năm và mang lại phần lớn thu nhập cho hộ (59,9% tổng thu nhập) (Bảng 2). Do đặc điểm bí xanh yêu cầu đầu tư cao nên phần lớn số hộ có mức sống trung bình.

Trong chuỗi giá trị, người sản xuất tiếp nhận đầu vào và thông tin từ thị trường lao động, đại

lý vật tư và cơ quan nông nghiệp, đồng thời tiêu thụ sản phẩm cho các tác nhân thu gom hoặc bán trực tiếp sản phẩm cho người tiêu dùng. Bình quân hộ trồng bí xanh thu được 4,8 triệu đồng/tấn bí xanh. Trong đó chi phí đầu tư cơ bản là 2 triệu đồng/tấn. Chi phí trung gian chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí, lên đến 55,7% tương ứng 1,1 triệu đồng/tấn. Lợi nhuận thuần bình quân/hộ đạt khoảng 2,7 triệu đồng/tấn, mang lại tỉ suất lợi nhuận theo chi phí tương ứng mức 2,38 lần (Bảng 3).

- *Tác nhân thu gom*: Trên địa bàn huyện phổ biến 2 nhóm thu gom chính đó là HTX dịch vụ nông nghiệp Yên Quang và thu gom cá nhân. HTX Yên Quang được thành lập từ năm 2015 với 10 sáng lập viên sau đó tăng lên 25 hộ xã

viên năm 2018. Tổng diện tích sản xuất nông nghiệp của các xã viên tham gia HTX là 5ha. HTX có 1 xưởng với diện tích với diện tích 223m² và đã đầu tư kho lạnh, tham gia không chỉ sản xuất và tiêu thụ nông sản của các hộ xã viên và các hộ khác trên địa bàn huyện để tiêu thụ sang các địa phương khác và ngoại tỉnh. Các hộ thu gom cá nhân phần lớn là người địa phương, ở gần đường, hoặc gần khu vực trồng bí xanh quy mô tập trung. Những tác nhân thu gom này hoạt động chuyên nghiệp và thường xuyên. Những hộ này cũng có thâm niên trong việc thu gom, bình quân một hộ có 3,8 năm kinh

nghiệm. Mỗi vụ, trung bình 1 người thu gom có thể tiêu thụ lên đến 26,8 tấn bí xanh. Tác nhân thu gom có 2 hình thức tiêu thụ chính là bán cho người mua buôn tại huyện hoặc bán lẻ tại chợ đầu mối trên địa bàn Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh. Trong 2 kênh tiêu thụ của tác nhân thu gom, kênh tiêu thụ trực tiếp cho người bán lẻ đem lại lợi nhuận thuần lên đến 3,5 triệu đồng/tấn bí xanh so với 0,29 triệu đồng/tấn khi bán trực tiếp cho tác nhân bán buôn (Bảng 3). Tuy nhiên, việc tiêu thụ qua kênh thứ nhất yêu cầu vốn đầu tư lớn và mối quan hệ so với bán trực tiếp cho tác nhân bán buôn.

Bảng 2. Thông tin chung của hộ điều tra trồng bí xanh (2018)

Diễn giải	ĐVT	Các xã điều tra			Bình quân chung
		Độc Lập	Yên Quang	Dân Hạ	
Tổng số hộ điều tra	hộ	40	30	20	
Tuổi bình quân chủ hộ	tuổi	45,4	42,3	44,6	44,1
Số năm kinh nghiệm của chủ hộ	năm				
Dưới 3 năm	%	25	33	55	37,7
Từ 3-5 năm	%	75	67	45	62,3
Trên 6 năm	%				
Trình độ văn hóa chủ hộ					
Cấp I	%	29	27	27	27,7
Cấp II	%	63	69	67	66,3
Cấp III	%	8	4	6	6,0
Diện tích đất trồng bí xanh	sào	7,2	4,2	3,5	5,0

Bảng 3. Phân tích tài chính người bán lẻ bí xanh (2018)

Diễn giải	Người sản xuất kiêm người bán lẻ tại Hòa Bình		Bán lẻ tại Hà Nội		Bình quân chung	
	Giá trị (1.000đ)	CC (%)	Giá trị (1.000đ)	CC (%)	Giá trị (1.000đ)	CC (%)
Giá bán/kg sản phẩm	10,7		13,5		13,4	
Doanh thu	10.700	100,0	13.500	100,0	13.444	100,0
Chi phí trung gian	3.818	35,7	10.920	80,9	10.778	80,2
Giá vốn bí xanh	2.088	19,5	10.500	77,8	10.332	76,9
Vận chuyển	1.200	11,2	100	0,7	122	0,9
Công cụ, dụng cụ nhỏ	30	0,3	20	0,1	20,2	0,2
Thuê kiot	100	0,9	100	0,7	100	0,7
Chi phí khác	400	3,7	200	1,5	204	1,5
Giá trị gia tăng	6.882	64,3	2.580	19,1	2.666	19,8
Chi phí lao động	3.000	28,0	200	1,5	256	1,9
KHTSCĐ	30	0,3	50	0,4	49,6	0,4
Thu nhập thuần	3.852	36,0	2.330	17,3	2.360	17,6

- *Tác nhân bán buôn*: Tác nhân bán buôn có vai trò kết nối giữa thị trường bí xanh của huyện và thị trường bên ngoài. Họ mua bí xanh của hộ sản xuất cũng như hộ thu gom huyện Kỳ Sơn và bán lại cho các đầu mối tiêu thụ bí xanh tại các tỉnh, thành khác như Hà Nội, Quảng Ninh và Hải Phòng. Kết quả khảo sát cho thấy 100% tác nhân bán buôn có phương tiện chuyên chở là xe tải nên khối lượng vận chuyển lớn, trung bình 6,8 tấn/chuyến. Nhưng tác nhân này có thâm niên trong nghề, với 5,7 năm kinh nghiệm, số tháng hoạt động bình quân trong năm là 8 tháng. Số vốn đầu tư cho mỗi chuyến hàng bí xanh là 50 triệu đồng/chuyến. Trên 98% lượng bí xanh được người bán buôn nhập từ tác nhân thu gom. Kết quả điều tra cho thấy doanh thu trên 1 tấn bí xanh của tác nhân bán buôn là 10,5 triệu đồng. Sau khi trừ đi chi phí trung gian, bình quân họ có thể thu được 3,5 triệu đồng giá trị gia tăng, chiếm tỉ trọng 33,3% cơ cấu doanh thu. Thu nhập thuần của tác nhân bán buôn là 2,15 triệu đồng cho 1 tấn bí xanh được tiêu thụ (Bảng 3).

- *Tác nhân bán lẻ*: Tác nhân bán lẻ có thể là người sản xuất, cũng có thể là tác nhân bán lẻ chuyên nghiệp. Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy sản phẩm bí xanh được tiêu thụ trực tiếp bởi người sản xuất chiếm tỉ lệ rất nhỏ (dưới 2% tổng sản phẩm), chủ yếu là sản phẩm không đạt phẩm cấp yêu cầu bởi thu gom và lái buôn do vậy hộ tự tiêu thụ tại chợ địa phương. Bình quân 1 ngày hộ bán lẻ chuyên nghiệp có thể tiêu thụ 45kg bí xanh, với số vốn lưu động là 30 triệu đồng. Tiêu thụ bí xanh tại thị trường nội tỉnh đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn với lợi nhuận đạt mức 3,8 triệu đồng/tấn so với 2,3 triệu đồng/tấn, mặc dù giá bán sản phẩm tại Hà Nội cao hơn (Bảng 3).

3.1.3. Phân tích tài chính chuỗi giá trị sản phẩm bí xanh ở huyện Kỳ Sơn

Trong chuỗi giá trị bí xanh huyện Kỳ Sơn đang tồn tại 3 kênh tiêu thụ chính theo hình 2. Để thấy rõ sự hình thành giá trị gia tăng và thu nhập thuần của các tác nhân theo các kênh hàng, nghiên cứu tiến hành phân tích tài chính (Hình 2). Qua mỗi kênh tiêu thụ khác nhau thì giá trị gia tăng và thu nhập thuần cho 1 tấn bí xanh sẽ khác nhau. Kênh tiêu thụ càng ít tác

nhân tham gia thì giá trị gia tăng và lợi nhuận thuần của mỗi công đoạn càng cao.

Phân tích phân phối thu nhập giữa các tác nhân trong chuỗi tại bảng 4 cho thấy giá trị thu nhập thuần tính trên 1 tấn sản phẩm của hộ sản xuất và hộ bán lẻ là cao nhất so với các tác nhân khác, song do quy mô sản xuất và khả năng tiêu thụ dẫn đến khối lượng sản phẩm cho 1 vụ sản xuất kinh doanh nhỏ đã làm cho mức thu nhập bình quân của các tác nhân này lại ít hơn so với các tác nhân khác. Ngược lại, mức thu nhập thuần của tác nhân mua buôn là cao nhất, gấp nhiều lần so với mức thu nhập của các tác nhân khác nhờ khối lượng tiêu thụ bình quân cho mỗi tác nhân lớn.

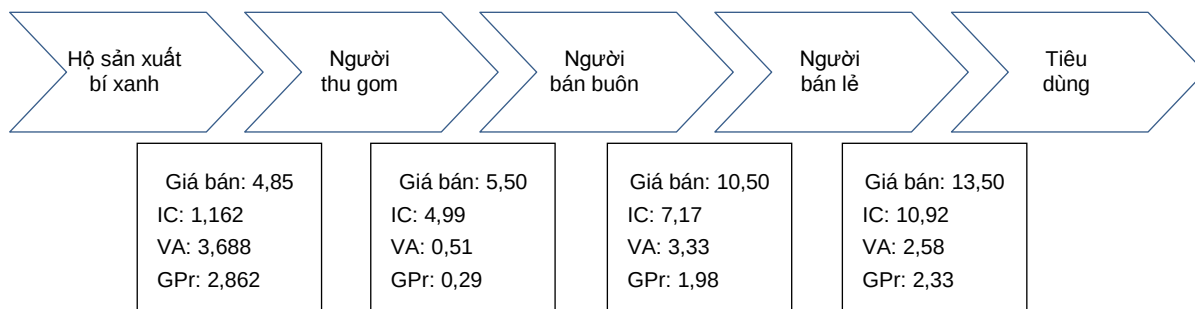
3.1.4. Liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị bí xanh huyện Kỳ Sơn

a. Liên kết dọc

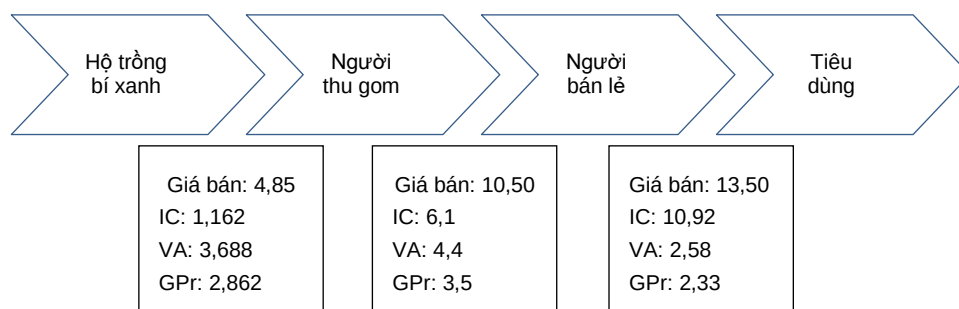
Giữa hộ trồng bí xanh, người thu gom và lái buôn: Hộ trồng bí xanh trên địa bàn huyện tổ chức sản xuất theo 2 hình thức: có thỏa thuận về giá cả và cam kết bao tiêu sản phẩm với người thu gom và bán buôn là HTX dịch vụ Nông nghiệp Yên Quang, tuy nhiên hình thức này chiếm khối lượng nhỏ, không nhiều trên tổng diện tích trồng bí xanh của huyện. Kết quả điều tra cho thấy trên 90% số hộ trồng bí xanh tổ chức sản xuất hoàn toàn theo tính tự phát, giữa hộ trồng bí xanh và lái buôn không có thỏa thuận nào về việc cam kết bao tiêu sản phẩm ban đầu, mọi giao dịch chỉ diễn ra khi bí xanh chuẩn bị đến thời kỳ thu hoạch và đưa đi tiêu thụ.

Giữa tác nhân thu gom và lái buôn ngoài tỉnh: Tác nhân thu gom kết nối với người mua buôn thông qua các quan hệ buôn bán kinh doanh từ nhiều năm và có sự rõ ràng trong việc phân chia lợi nhuận. Người thu gom tạo được niềm tin cho người mua buôn khi là tác nhân trung gian thỏa thuận các điều khoản với người sản xuất. Dù tất cả các thỏa thuận chỉ được tiến hành bằng miệng song giữa họ có sự liên kết chặt thông qua % đặt cọc, điều này vô hình chung đã tạo nên một bản hợp đồng kinh tế giữa các tác nhân này. Tuy nhiên kết quả điều tra 90 hộ sản xuất bí cho thấy chỉ có khoảng 7% số hộ có thỏa thuận ban đầu với người mua về số lượng và giá cả.

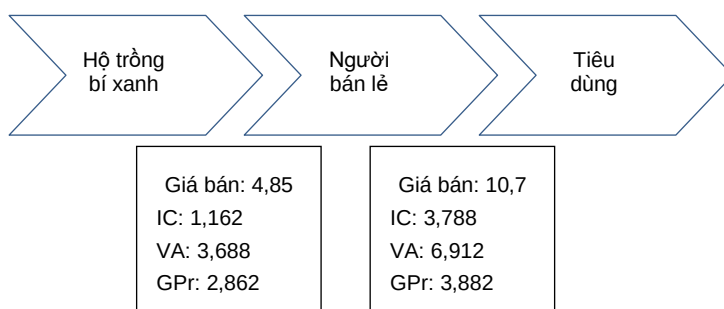
Kênh hàng 1:



Kênh hàng 2:



Kênh hàng 3:



Hình 2. Phân tích tài chính của người bán lẻ bí xanh

Bảng 4. Mức thu nhập bình quân tính trên 1 tấn bí xanh của các tác nhân trong chuỗi giá trị bí xanh của huyện Kỳ Sơn

Chỉ tiêu	Thu nhập BQ/tấn (triệu đồng)	Sản lượng bình quân của 1 hộ/vụ (tấn)	Thu nhập BQ 1 hộ/vụ (triệu đồng)	Cơ cấu thu nhập BQ 1 hộ/vụ (%)
Hộ trồng bí xanh	2,76	7,63	21,07	14,6
Tác nhân thu gom	0,99	26,8	26,54	18,4
Bán buôn	1,98	45,6	90,29	62,6
Bán lẻ	2,36	2,7	6,37	4,4
Tổng cộng			144,27	100,0

Giữa lái buôn, người bán lẻ và chợ đầu mối: Tại các chợ đầu mối, giá cả mỗi chủng loại hàng

do thị trường thu mua quyết định. Tại chợ đầu mối, mọi lái buôn đều tham gia bình đẳng và chỉ

đóng phí theo quy định của quản lý chợ. Hoạt động mua bán bí xanh giữa người bán lẻ và người bán buôn diễn ra bình đẳng theo quy luật thị trường. Qua phỏng vấn 8 người bán buôn trên địa bàn huyện cho thấy tất cả những người bán buôn này là những người có thâm niên và kinh nghiệm lâu năm nên có mối quan hệ khá rộng với nhiều đối tượng bán lẻ. Trước khi chuẩn bị hàng, người bán buôn đều khảo sát thị trường qua điện thoại, giao dịch về giá cả và số lượng hàng bí xanh của một số tác nhân bán lẻ truyền thống, từ đó người mua buôn đã xác định được một lượng hàng bí xanh nhất định trước khi chuẩn bị hàng.

b. Mối liên kết ngang

Giữa các hộ trồng bí xanh: Theo số liệu điều tra thì có 55% người trồng bí xanh học tập kỹ thuật trồng bí xanh từ người dân trong vùng, 30% người dân được tiếp cận với các lớp tập huấn của khuyến nông huyện và Hội Nông dân, 15% người dân học tập kinh nghiệm trồng bí xanh từ các mô hình ngoài tỉnh. Giữa các hộ trồng bí xanh cũng hình thành một số hình thức liên kết ở mức sơ khai và tự phát như: khâu làm đất, phun thuốc, thu hoạch có sự trao đổi, làm đổi công cho nhau để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất. Ngoài hình thức trên, liên kết giữa các hộ trên địa bàn huyện còn có góp đất tham HTX. Tuy nhiên, hoạt động của HTX vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là việc tìm kiếm đầu ra ổn định cho xã viên.

Giữa các tác nhân thu gom: Các tác nhân thu gom đều là người địa phương, có vị trí thuận lợi để thu mua bí xanh trên địa bàn huyện và cung cấp cho các lái buôn. Việc trao đổi, liên kết, trao đổi thông tin và hỗ trợ nhau giữa các tác nhân thu gom tương đối lỏng lẻo do sự cạnh tranh về việc thu gom sản phẩm trên địa bàn và các mối cung cấp cho các lái buôn. Không có tác nhân nào có quan hệ ký kết hợp đồng bằng văn bản khi tiêu thụ bí xanh.

Giữa các tác nhân lái buôn ngoại tỉnh: Giữa các lái buôn đều có sự trao đổi thông tin về giá cả thu mua và thị trường tiêu thụ. Đa phần các lái buôn đều có thị trường tiêu thụ riêng nên việc trao đổi thông tin chủ yếu là việc thống nhất giá cả thu mua bí xanh trên địa bàn huyện

Kỳ Sơn. Các lái buôn đều ở tỉnh khác đến và mối quan hệ của họ rất khó xác định.

Giữa các cỡ sở bán lẻ: Các hộ bán lẻ có mối liên kết chặt chẽ với nhau tại các chợ đầu mối nhằm nắm bắt thông tin giá cả, số lượng sản phẩm, thời gian hàng về,... Họ cũng có sự cạnh tranh trong việc buôn bán, song sự liên kết của họ không chỉ do mối quan hệ lâu năm, mà còn với mục đích hỗ trợ cho nhau trong việc cung cấp thông tin, tiêu thụ sản phẩm, nhập sản phẩm.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chuỗi giá trị bí xanh huyện Kỳ Sơn

- Thị trường

Giá cả sản phẩm ảnh hưởng lớn đến sản xuất và tiêu thụ, trong những năm qua giá bí xanh thường lên xuống thất thường theo năm, theo vụ và tùy từng thời điểm trong một vụ, đã tác động đến tâm lý của hộ trong việc mở rộng quy mô sản xuất và tăng sản lượng. Theo điều tra, 100% các hộ nông dân cho rằng giá bán được thỏa thuận giữa hai bên nhưng chủ yếu là dựa vào giá thị trường tại thời điểm bán. Hơn nữa, hiện nay tại huyện, hầu hết người sản xuất có ít thông tin về người tiêu dùng. Nếu có sự liên kết theo chuỗi, nắm bắt rõ nhu cầu của người tiêu dùng, hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sẽ được nâng cao hơn.

Qua điều tra cho thấy, người tiêu dùng bí xanh huyện Kỳ Sơn chủ yếu là ở ngoài tỉnh Hòa Bình, trong đó thị trường Hà Nội chiếm tỉ lệ lớn. Như vậy, mặc dù sản xuất bí xanh của huyện có tiềm năng thị trường rất lớn nhưng lại bị cạnh tranh cao do nhiều vùng cũng đang sản xuất bí xanh.

- Chủ trương chính sách của nhà nước

Trên địa bàn huyện Kỳ Sơn và tỉnh Hòa Bình đã có nhiều chính sách khuyến khích phát triển sản xuất và tiêu thụ rau an toàn nói chung và cây bí xanh nói riêng. Cụ thể như: Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 5/6/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình về phê duyệt Đề án “Xây dựng và phát triển sản xuất nông sản hàng hóa chủ lực theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm” giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND

huyện Kỳ Sơn về việc phê duyệt đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2018-2021 và tầm nhìn đến năm 2030”. Các chủ trương, chính sách của tỉnh và huyện đều tập trung khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa có giá trị kinh tế cao, trong đó có bí xanh để nâng cao thu nhập cho hộ nông dân

- Điều kiện tự nhiên

Huyện Kỳ Sơn với điều kiện khí hậu, thời tiết thuận lợi có tác động tích cực đến quá trình trồng bí xanh và ngược lại. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy trong những năm qua, diễn biến thời tiết có nhiều bất thường, rét thường đến muộn hơn và kéo dài, mưa đầu mùa bất thường, nhiệt độ cao, thời tiết nắng nóng gây ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng bí xanh. Những thay đổi bất thường của thời tiết đã tác động trực tiếp đến người sản xuất cũng như các tác nhân khác trong chuỗi giá trị bí xanh do năng suất và chất lượng sản phẩm không ổn định.

- Cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ

Hiện nay tại huyện Kỳ Sơn, việc áp dụng kỹ thuật và công nghệ vẫn còn ở mức hạn chế. Chỉ có duy nhất HTX nông nghiệp Yên Quang, mới đầu tư nhà kho lạnh bảo quản rau quả còn lại các cơ sở hạ tầng khác như: nhà kính, nhà lưới để sản xuất cây con sạch bệnh... hầu như chưa có. Những hạn chế này dẫn tới năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế sản xuất bí xanh chưa cao.

- Sự tương tác, liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị

Các tác nhân trong chuỗi giá trị bí xanh của huyện Kỳ Sơn mặc dù đã có sự tương tác, liên kết. Tuy nhiên, hình thức liên kết còn hạn chế. Cụ thể sự liên kết giữa các tác nhân là người trồng bí xanh mới dừng lại ở mức hợp tác sản xuất ở một số khâu nhất định, tự phát, chưa có các hợp đồng bằng văn bản hoặc đặt cọc. Liên kết sản xuất theo HTX mới phát triển mạnh mẽ ở quy mô nhỏ và chưa phát huy hiệu quả rõ rệt. Nguyên nhân chủ yếu là khả năng tiếp cận thị trường đầu vào và đầu ra cho sản phẩm của HTX còn yếu, chưa thể hiện được vai trò kết nối thị trường. Các tác nhân khác cũng có sự tương

tác không chặt chẽ, chưa thúc đẩy phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trên địa bàn.

- Trình độ của các tác nhân trong chuỗi giá trị

Với độ tuổi trung bình từ 35-45 tuổi, tác nhân trong chuỗi giá trị có trình độ học vấn khác nhau nhưng tập trung chủ yếu ở trình độ cấp I. Nghiên cứu cũng cho thấy số lượng hộ áp dụng các phương pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất bí xanh mới chỉ đạt 54,67%. Những nông hộ khác mặc dù đã có những tiếp cận ban đầu với kỹ thuật mới, phần lớn vẫn sản xuất dựa trên kinh nghiệm là chính. Qua nghiên cứu chuỗi giá trị bí xanh huyện Kỳ Sơn, những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với phát triển chuỗi giá trị bí xanh của huyện được tổng hợp trong bảng 5.

3.3. Giải pháp phát triển chuỗi giá trị bí xanh huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình

Từ phân tích kết quả và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chuỗi giá trị bí xanh của huyện Kỳ Sơn, chúng tôi đưa ra các nhóm giải pháp sau:

- Đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật: Địa phương cần tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất và cung ứng giống bí xanh mới có chất lượng cao cho các hộ sản xuất. Cụ thể, vùng sản xuất bí xanh có thể liên kết với các nhà khoa học, viện nghiên cứu, công ty giống cây trồng có uy tín để khảo nghiệm, đưa vào trồng các giống bí xanh có năng suất, chất lượng phù hợp với đặc điểm địa bàn và thị hiếu thị trường. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra việc sản xuất kinh doanh hạt giống, kinh doanh phân bón, thuốc BVTV... để hạn chế các loại giống, phân bón, thuốc BVTV chất lượng kém, ngoài danh mục cho phép gây thiệt hại cho người sản xuất.

- Cải thiện cơ sở hạ tầng sản xuất và tổ chức tiêu thụ theo chuỗi: Địa phương cần đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông nông thôn và nội đồng, tạo điều kiện cho tiếp cận thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm, đem lại giá trị kinh tế lớn hơn. Thành lập và phát triển các chuỗi giá trị bí xanh theo hướng liên kết kinh tế bền vững.

Bảng 5. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với phát triển chuỗi giá trị bí xanh của huyện Kỳ Sơn

Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
Là địa bàn có điều kiện đất đai, thủy lợi thuận lợi cho trồng bí xanh, hộ nông dân có kinh nghiệm với nguồn lực lao động dồi dào	Giá cả thị trường không ổn định, người dân chưa yên tâm đầu tư cho sản xuất	Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích phát triển nông sản	Cạnh tranh với các sản phẩm bí xanh được trồng ở các vùng khác ngoài huyện.
Người dân hưởng ứng mở rộng sản xuất	Việc áp dụng các kỹ thuật mới chưa đồng đều và còn hạn chế	Các quy trình sản xuất rau an toàn đã được công bố và ứng dụng rộng	Nông hộ đã tìm kênh tiêu thụ sản phẩm qua HTX nhưng chưa có sự liên kết chặt chẽ, tiềm ẩn rủi ro thị trường.
Mạng lưới tác nhân thu gom và bán buôn trong chuỗi giá trị bí xanh trên địa bàn huyện có kinh nghiệm nghề khá cao	Nông hộ còn sử dụng nhiều thuốc BVTV để phòng trừ sâu bệnh cho bí xanh	Huyện có vị trí cách trung tâm Hà Nội không xa, do vậy có tiềm năng thị trường tiêu thụ rộng lớn	Sâu bệnh hại ngày càng gia tăng làm giảm năng suất và chất lượng bí xanh.
Huyện có chiến lược phát triển và khuyến khích sản xuất rau an toàn, trong đó có bí xanh.	Mối liên kết giữa các tác nhân, đặc biệt giữa các hộ sản xuất với các tác nhân khác còn lỏng lẻo.	Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm bí xanh trong và ngoài huyện có xu hướng tăng.	

- Phát triển và mở rộng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP: Xác định vùng trọng tâm phát triển các loại rau và cây bí xanh: Yêu cầu phát triển bí xanh phải nằm trong vùng phát triển nông nghiệp ổn định, lâu dài; gắn chặt với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; kết hợp chặt chẽ với phát triển dịch vụ hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hóa cao. Xây dựng các vùng trồng và thâm canh bí xanh theo tiêu chuẩn VietGAP để đăng ký thương hiệu, từng bước nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Từ đó tiếp cận tới những thị trường cao cấp như siêu thị hay cửa hàng chuyên kinh doanh thực phẩm an toàn.

- Thành lập nhóm sở thích, hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: Tích cực đầu tư cho việc thành lập và tăng cường vai trò của các HTX sản xuất và dịch vụ nông nghiệp để làm cầu nối liên kết giữa người sản xuất với thị trường đầu vào và đầu ra cho sản phẩm, từng bước tạo ra thị trường ổn định và bền vững. Thông qua các lớp đào tạo cán bộ kỹ thuật và hộ nông dân về các kỹ năng cần thiết cho trồng, chăm sóc, chế biến và tiêu thụ rau an toàn nói chung và đối với cây bí xanh nói riêng để nâng cao năng suất và chất lượng cây bí.

- Xây dựng thương hiệu sản phẩm của địa phương và xúc tiến thương mại: Chính quyền

địa phương cần huy động nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất bí xanh theo hướng bền vững bằng cách: xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn liền với địa phương như chỉ dẫn địa lý, hoặc hệ thống tem nhãn, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Cùng với đó là xây dựng các chương trình quảng bá sản phẩm địa phương thông qua kênh hội chợ, hoặc các kênh truyền thông đa phương tiện.

4. KẾT LUẬN

Phát triển sản xuất bí xanh theo chuỗi giá trị là một trong những hướng đi đầy tiềm năng giúp thúc đẩy kinh tế và gia tăng mức sống cho người dân địa phương. Nghiên cứu chỉ ra rằng hình thức tiêu thụ sản phẩm bí xanh của huyện Kỳ Sơn chủ yếu là tiêu thụ quả tươi không qua sơ chế, bảo quản. Chuỗi giá trị bí xanh của huyện Kỳ Sơn được tiêu thụ chủ yếu qua 3 kênh chính, trong đó tác nhân bán buôn (chủ yếu là người ngoài huyện) tiêu thụ đến trên 90% sản lượng bí xanh của huyện. Thu nhập thuần của hộ trồng bí xanh/một tấn sản phẩm là 2,76 triệu đồng. Mức thu nhập bình quân hộ thu được/vụ là 7,63 triệu đồng. Kết quả nghiên cứu chuỗi giá trị bí xanh đã chỉ ra thu nhập thuần của tác nhân sản xuất cao nhất so với các tác nhân khác trong chuỗi giá trị bí xanh. Tuy nhiên, nếu tính cho từng tác nhân trong cả vụ thì tác nhân bán

buôn có thu nhập cao hơn 4,2 lần tác nhân người sản xuất. Điều đó cho thấy, trong chuỗi giá trị bí xanh của huyện, hộ kinh doanh bán buôn vẫn có thu nhập cao hơn nhiều so với các tác nhân khác trong chuỗi. Nghiên cứu cũng chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng tới phát triển chuỗi giá trị bí xanh tại Kỳ Sơn như: thị trường chưa ổn định, trình độ của các tác nhân trong chuỗi còn hạn chế, liên kết giữa các tác nhân còn lỏng lẻo và một số tồn tại về thể chế chính sách, cơ sở hạ tầng và công nghệ. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp tập trung vào việc tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường liên kết giữa các tác nhân, cải thiện cơ sở hạ tầng sản xuất và tổ chức tiêu thụ theo chuỗi, xây dựng thương hiệu sản phẩm và tăng cường xúc tiến thương mại, từng bước phát triển các đa dạng các chuỗi giá trị sản xuất bí xanh có hiệu quả kinh tế cao cho huyện trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Quang Giám, Lê Thanh Hà & Đồng Thanh Mai (2015). Các yếu tố tác động tới chuỗi giá trị sản phẩm đặc sản ổi Đông Dư. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*. 13(3): 455-463.
- Hà Hoàng (2019). Huyện Kỳ Sơn (Hòa Bình): Dân đổi đời nhờ trồng бат ngàn bí xanh. Truy cập từ <https://danviet.vn/huyen-ky-son-hoa-binh-dan-doi-doi-nho-trong-bat-ngan-bi-xanh-77771024085.htm> ngày 15/04/2021.
- Kaplinsky & Morris (2001). A handbook for value chain research. The Institute of Development Studies, University of Sussex. Brighton, United Kingdom.
- Lê Đình Hải (2018). Phân tích chuỗi giá trị rau an toàn tại huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp*. 3: 11-21.
- Nguyễn Anh Minh & Nguyễn Tuấn Sơn (2014). Giải pháp tăng cường sự tham gia của các chủ thể vào sản xuất và tiêu thụ rau VietGap tại tỉnh Hòa Bình. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*. 12(6): 972-980
- Nguyen Huu Nhuan, Nguyen Thi Thu Huyen, Nguyen Thi Duong Nga, Pham Van Hung, Pham Kieu My, Ninh Xuan Trung & Dale Yi (2018). Improving vegetable farming systems and marketing for small-scale producers in Bac Ha district, Lao Cai province. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. 16(9): 847-858.
- Nguyễn Hữu Nhuận, Nguyễn Thị Thu Huyền & Nguyễn Ngọc Vinh (2020). Đánh giá hiệu quả sản xuất rau của hộ nông dân tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. 18(9): 705-712.
- Nguyễn Quốc Nghi (2015). Phân tích chuỗi giá trị sản phẩm khóm của hộ nghèo ở tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*. 40: 75-82.
- Trần Công Thắng, Emma Samman, Karl Rich, Phạm Quang Diệu, Nguyễn Đỗ Anh Tuấn, Nguyễn Văn Thành & Đặng Văn Thư (2004). Sự tham gia của người nghèo trong chuỗi giá trị nông nghiệp. Nghiên cứu đối với ngành chè. Trung tâm Tin học Nông nghiệp và PTNT (ICARD).
- Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn (2018). Báo cáo kinh tế xã hội huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.
- Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn (2018). Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 8/5/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.
- Võ Thị Thanh Lộc & Nguyễn Ngọc Châu (2009). Gạo Việt Nam nhìn từ chuỗi giá trị lúa gạo tiêu thụ trong nước và xuất khẩu tại Cần Thơ. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*. 132: 3-5.